ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 132 /2026/QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 09 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Cơ yếu ngày 26/11/2011;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ; số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số; số 331/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin;

Căn cứ Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BKHCN ngày 30/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 5170/TTr-SKHCN ngày 28/10/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25/11/2026 và thay thế Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông, Giám đốc Công ty Điện lực Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ
- Bộ Khoa học và Công nghệ
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh
- Chủ tịch UBND tỉnh

(để b/c);

- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các ban, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Đảng ủy các xã, phường;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Văn Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Thanh Hóa để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tập huấn, giao ban, bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề nghiệp vụ (sau đây gọi chung là cuộc họp) giữa các cơ quan, đơn vị Trung ương với tỉnh; giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh với nhau; giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh với các cơ quan, đơn vị cấp xã và các trường hợp kết nối khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh;

b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân tham gia quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

c) Doanh nghiệp viễn thông, Công ty Điện lực Thanh Hóa và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hội nghị truyền hình trực tuyến (sau đây gọi tắt là HNTHTT): Là hình thức hội nghị sử dụng hệ thống thiết bị để truyền tải hình ảnh, âm thanh giữa các phòng họp ở nhiều địa điểm khác nhau (các điểm cầu) kết nối qua hệ thống mạng viễn thông, giúp người tham gia tại các phòng họp có thể nhìn thấy nhau và tương tác như đang cùng ngồi trong một phòng họp.

2. Hệ thống HNTHTT từ Trung ương đến cấp xã: Là hệ thống liên kết giữa các hệ thống HNTHTT của Trung ương với hệ thống HNTHTT cấp tỉnh, cấp xã để kết nối liên thông 3 cấp phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước ở Trung ương và địa phương.

3. Hệ thống HNTHTT tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là Hệ thống): Là hệ thống kết nối Hệ thống trung tâm, điểm cầu chính và các điểm cầu cuối thông qua Mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng riêng của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

4. Hệ thống trung tâm: Là hệ thống thiết bị quản lý đa điểm cầu (MCU) và phần mềm được cài đặt để kết nối, điều khiển các điểm cầu cuối nhằm thiết lập Hệ thống. Hệ thống trung tâm được đặt và quản lý tại Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Điểm cầu chính: Là điểm cầu được sử dụng để chủ trì mỗi cuộc HNTHTT cụ thể. Điểm cầu chính có thiết bị và được cài đặt phần mềm có thể điều khiển và cho phép các điểm cầu cuối tương tác để tham gia HNTHTT.

6. Điểm cầu cuối: Là các điểm cầu không phải điểm cầu chính, được lắp đặt thiết bị để kết nối với điểm cầu chính và các điểm cầu khác thuộc Hệ thống. Điểm cầu cuối được đặt tại các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và công sở cấp xã.

7. Phòng họp trực tuyến: Là phòng họp tại các điểm cầu được bố trí tại địa điểm ổn định, an toàn; đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về thiết bị, kết nối để phục vụ các HNTHTT đạt kết quả tốt.

8. Thời gian kết nối điểm cầu trong phiên họp: Là khoảng thời gian để thiết lập kết nối cho phép tương tác 2 chiều giữa điểm cầu chính và các điểm cầu cuối trong phiên họp.

9. Đơn vị quản lý, vận hành phòng họp: Là đơn vị được phân công quản lý, vận hành thiết bị phòng họp các cấp.

10. Cán bộ quản lý, vận hành phòng họp: Là công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị nhà nước được phân công quản lý, vận hành hệ thống thiết bị tại các phòng họp.

11. Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước (sau đây gọi tắt là Mạng TSLCD): Là mạng kết nối các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu, gồm mạng truy nhập cấp I có phạm vi kết nối từ Trung ương đến cấp tỉnh và mạng truy nhập cấp II có phạm vi kết nối từ cấp tỉnh đến cấp xã theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg; sử dụng cho việc kết nối đường truyền trong các cuộc HNTHTT từ Trung ương đến cấp tỉnh, cấp xã và ngược lại.

12. Cơ quan, đơn vị chủ trì cuộc họp: Là cơ quan, đơn vị triệu tập, phát hành văn bản mời họp và chịu trách nhiệm về nội dung, thành phần, thời gian tổ chức cuộc họp trên Hệ thống.

13. Đơn vị vận hành Hệ thống: Là đơn vị được Sở Khoa học và Công nghệ giao trực tiếp quản lý Hệ thống trung tâm, thực hiện nhiệm vụ quản trị, vận hành, giám sát và hỗ trợ kỹ thuật Hệ thống.

14. Cơ quan, đơn vị tham gia sử dụng Hệ thống: Là cơ quan, đơn vị, tổ chức có phòng họp trực tuyến kết nối với Hệ thống hoặc tham dự cuộc họp được tổ chức trên Hệ thống.

Điều 3. Mục đích của việc sử dụng Hệ thống

Hệ thống được sử dụng để tổ chức các cuộc họp với Trung ương và giữa các cơ quan, đơn vị các cấp trên địa bàn tỉnh nhằm bảo đảm thông tin được truyền đạt nhanh, chính xác, tiết kiệm chi phí, thời gian, góp phần tích cực vào việc đổi mới, nâng cao hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Trách nhiệm quản lý và sử dụng Hệ thống

1. Các điểm cầu được trang bị thiết bị HNTHTT có trách nhiệm quản lý, vận hành, sử dụng, bảo quản các thiết bị đầu cuối phục vụ các cuộc họp, phối hợp kịp thời với điểm cầu chính trong quá trình chuẩn bị cũng như khi diễn ra cuộc họp chính thức.

2. Sử dụng mạng riêng cho HNTHTT kết nối các điểm cầu (không kết nối với các phân hệ khác), chất lượng đường truyền phải luôn ổn định, bảo đảm yêu cầu về chất lượng dịch vụ quy định tại Điều 9 Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg. Ưu tiên sử dụng tối đa năng lực hạ tầng, đường truyền của Mạng TSLCD; trường hợp điểm cầu chưa kết nối Mạng TSLCD, việc kết nối qua mạng Internet phải sử dụng mạng riêng ảo (VPN) hoặc biện pháp mã hóa bảo đảm an toàn thông tin.

3. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý và vận hành Hệ thống có trách nhiệm phối hợp với doanh nghiệp viễn thông cung cấp đường truyền (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp viễn thông) bảo đảm chất lượng đường truyền, phối hợp với Công ty Điện lực Thanh Hóa bảo đảm nguồn điện ổn định phục vụ các cuộc họp tốt nhất.

Chương II
CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Quy định đối với phòng họp trực tuyến

1. Các điều kiện kỹ thuật tại phòng họp trực tuyến phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối hệ thống hội nghị truyền hình theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời bảo đảm yêu cầu kết nối vào Mạng TSLCD

theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 06/2026/TT-BKHCN ngày 30/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy theo quy định của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

3. Phòng họp trực tuyến tại các điểm cầu chính

Phòng họp trực tuyến tại trụ sở cơ quan, đơn vị chủ trì cuộc họp hoặc phòng họp do cơ quan, đơn vị chủ trì cuộc họp đăng ký sử dụng: Là điểm cầu chính của cuộc họp do cơ quan, đơn vị đó chủ trì tổ chức.

4. Phòng họp trực tuyến tại các điểm cầu cuối

a) Phòng họp trực tuyến tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Là điểm cầu cuối khi cơ quan, đơn vị tham gia các cuộc họp do Trung ương hoặc cơ quan, đơn vị khác chủ trì tổ chức;

b) Phòng họp trực tuyến tại công sở cấp xã: Phục vụ các cơ quan, tổ chức ở cấp xã tham gia HNTHTT; được sử dụng chung giữa các cơ quan, tổ chức ở cấp xã, việc bố trí lịch sử dụng do cơ quan được giao quản lý điểm cầu điều phối;

c) Phòng họp trực tuyến phải được ưu tiên sử dụng phục vụ cho các phiên họp trực tuyến theo lịch tổ chức HNTHTT của cơ quan, đơn vị chủ trì cuộc họp gửi thông báo.

Điều 6. Các yêu cầu về bảo đảm an toàn thông tin

1. Hệ thống phải được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo vệ an ninh mạng tương ứng với cấp độ theo quy định tại Điều 8 Luật An ninh mạng và Nghị định số 331/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin; có cổng kết nối đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 06/2026/TT-BKHCN.

2. Thiết lập cơ chế bảo đảm an toàn thông tin trong vận hành điều khiển hệ thống MCU, thiết bị liên quan (chỉ mở các cổng kết nối, dịch vụ cần thiết; cập nhật bản vá bảo mật trước khi đưa vào sử dụng; sử dụng cơ chế mã hóa tiêu chuẩn để truy cập điều khiển từ xa; phân quyền truy cập phù hợp cho người vận hành, điều khiển).

3. Chủ quản, đơn vị vận hành Hệ thống và doanh nghiệp viễn thông chịu trách nhiệm về bảo đảm chất lượng, an toàn thông tin đối với hệ thống điều khiển MCU, đường truyền (kênh riêng hoặc Internet có sử dụng VPN/mã hóa) và thiết bị HNTHTT tại các điểm cầu do đơn vị mình đảm nhiệm.

4. Trường hợp cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước, việc tổ chức kết nối thực hiện qua Mạng TSLCD kết hợp với thiết bị bảo mật kênh truyền (BML) của Ban Cơ yếu Chính phủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật về cơ yếu; chỉ tổ chức khi có ý kiến đồng ý của cấp có thẩm quyền. Cơ quan, đơn vị chủ trì cuộc họp thông báo trước bằng văn bản cho Sở Khoa học và Công nghệ và Văn phòng Tỉnh ủy (bộ phận cơ yếu) để phối hợp chuẩn bị kết nối. Cơ quan, đơn vị chủ trì cuộc họp chịu trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước tại cuộc họp theo quy định tại Điều 17 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Tuân thủ tuyệt đối kịch bản phiên họp và điều hành từ điểm cầu chính, bảo mật thông tin đối với các phiên họp không được phổ biến nội dung cuộc họp ra bên ngoài. Đối với cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước, tuyệt đối không được phép sử dụng thiết bị ghi âm, ghi hình trong suốt quá trình diễn ra phiên họp.

6. Không được tự ý di chuyển thiết bị, sử dụng thiết bị vào mục đích khác hoặc thay đổi các tham số cấu hình hệ thống.

7. Bật, tắt, vận hành hệ thống phải đúng quy trình kỹ thuật; ngắt nguồn điện cung cấp cho hệ thống khi kết thúc phiên họp hoặc không sử dụng.

Điều 7. Nguyên tắc tổ chức cuộc họp trên Hệ thống

1. Nguyên tắc chung: Hệ thống được sử dụng trong các cuộc họp thường xuyên hoặc đột xuất theo yêu cầu triệu tập của cơ quan, đơn vị chủ trì cuộc họp. Cơ quan, đơn vị chủ trì cuộc họp và cơ quan, đơn vị tham gia sử dụng Hệ thống có trách nhiệm tuân thủ các nguyên tắc, yêu cầu về phòng họp trực tuyến, an toàn thông tin, đăng ký, chuẩn bị và vận hành cuộc họp quy định tại Quy chế này.

2. Các cuộc họp được tổ chức trên Hệ thống, gồm:

a) Cuộc họp do Trung ương tổ chức mà cơ quan, đơn vị, địa phương ở tỉnh Thanh Hóa là điểm cầu cuối;

b) Cuộc họp do Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì tổ chức với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và cấp xã;

c) Cuộc họp do các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh chủ trì tổ chức kết nối đến các điểm cầu cấp xã;

d) Cuộc họp giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh với nhau và các trường hợp kết nối khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Mục đích, yêu cầu, thành phần tham dự và thời gian tổ chức cuộc họp: Do cơ quan, đơn vị chủ trì cuộc họp xác định dựa trên nội dung công việc phải giải quyết.

Điều 8. Đăng ký sử dụng Hệ thống

1. Cơ quan, đơn vị chủ trì cuộc họp phải đăng ký với các đơn vị quản lý điểm cầu chính (trường hợp cơ quan, đơn vị chủ trì cuộc họp không trực tiếp quản lý điểm cầu chính) và Sở Khoa học và Công nghệ trước 02 (hai) ngày làm việc tính tới ngày tổ chức cuộc họp chính thức để bố trí, sắp xếp tránh trùng lặp. Trường hợp cần tổ chức cuộc họp đột xuất, khẩn cấp (như bão lụt, thiên tai, dịch bệnh), cơ quan, đơn vị chủ trì cuộc họp phải chủ động thông báo bằng điện thoại, thư điện tử công vụ cho các đơn vị quản lý điểm cầu chính để phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp viễn thông, Công ty Điện lực Thanh Hóa và các đơn vị liên quan kịp thời chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật phục vụ cuộc họp.

2. Khi nhận được đăng ký của cơ quan, đơn vị chủ trì cuộc họp, các đơn vị quản lý điểm cầu chính có trách nhiệm xem xét, bố trí phòng họp và chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật phục vụ cuộc họp.

3. Trên cơ sở ý kiến đồng ý của các đơn vị quản lý điểm cầu chính, cơ quan, đơn vị chủ trì cuộc họp có trách nhiệm phát hành văn bản mời họp, trong đó xác định rõ thời gian, thành phần, danh sách điểm cầu tham dự và phân công trách nhiệm của các đơn vị quản lý điểm cầu cuối trong việc bố trí cán bộ kỹ thuật trực, thực hiện kết nối kỹ thuật và chuẩn bị các điều kiện cần thiết phục vụ cuộc họp tại điểm cầu cuối. Văn bản mời họp được gửi đến các điểm cầu cuối chậm nhất 01 (một) ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp, trừ trường hợp cuộc họp đột xuất, khẩn cấp.

Điều 9. Công tác chuẩn bị trước cuộc họp

1. Cơ quan, đơn vị chủ trì cuộc họp có trách nhiệm liên hệ, phối hợp với đơn vị quản lý điểm cầu chính để chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật phục vụ cho cuộc họp.

2. Cán bộ kỹ thuật của các điểm cầu cuối liên hệ, phối hợp với cán bộ kỹ thuật của điểm cầu chính và doanh nghiệp viễn thông tại điểm cầu đó tiến hành vận hành thử hệ thống trước 01 ngày và 01 giờ trước khi cuộc họp chính thức diễn ra, trừ trường hợp đơn vị vận hành Hệ thống có hướng dẫn khác về thời gian vận hành thử; đối với cuộc họp đột xuất, khẩn cấp, việc kiểm tra, kết nối thực hiện trong thời gian sớm nhất và hoàn thành trước giờ khai mạc cuộc họp.

3. Điểm cầu chính và các điểm cầu cuối phân công cán bộ kỹ thuật điều khiển thiết bị của Hệ thống, trực xuyên suốt trong quá trình vận hành thử và trong thời gian họp chính thức.

4. Trường hợp có yêu cầu tổ chức cuộc họp ở hội trường lớn, có số lượng đại biểu tham dự đông (số lượng đại biểu nhiều hơn số lượng chỗ ngồi trong phòng họp tại các điểm cầu), cán bộ kỹ thuật tại các điểm cầu phối hợp doanh

nghiệp viễn thông tại điểm cầu đó trong việc di chuyển thiết bị, đường truyền theo phương án kỹ thuật được đơn vị vận hành Hệ thống thống nhất, bảo đảm phục vụ tốt cho cuộc họp.

5. Điểm cầu chính tổng hợp danh sách các cán bộ kỹ thuật tham gia quản lý, vận hành Hệ thống tại các điểm cầu cuối để thuận tiện cho việc đăng ký phát biểu và hỗ trợ kỹ thuật.

6. Trường hợp trong quá trình vận hành thử xảy ra sự cố phức tạp, cần kiểm tra, xử lý, không thể tổ chức được cuộc họp theo như thời gian đã thông báo thì cán bộ kỹ thuật điểm cầu chính trao đổi với cán bộ kỹ thuật điểm cầu cuối và doanh nghiệp viễn thông để dự kiến chính xác thời gian tiến hành họp được và báo cho cơ quan, đơn vị chủ trì cuộc họp biết, thông báo đến các đại biểu dự họp.

Điều 10. Trách nhiệm của các điểm cầu trong cuộc họp

1. Trách nhiệm của cán bộ kỹ thuật tại điểm cầu chính:

a) Trực tiếp điều chỉnh khung hình hiển thị hình ảnh, âm thanh, ánh sáng cho phù hợp với từng thời điểm diễn ra trong cuộc họp;

b) Phối hợp với các cán bộ phụ trách vận hành hệ thống ở các điểm cầu, cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp viễn thông để kịp thời xử lý, khắc phục khi có sự cố về đường truyền, tín hiệu âm thanh, hình ảnh, hạn chế tối đa thời gian gián đoạn cuộc họp;

c) Cập nhật các đăng ký phát biểu tại các điểm cầu cho người chủ trì cuộc họp.

2. Trách nhiệm của cán bộ phụ trách vận hành tại các điểm cầu cuối tham gia cuộc họp:

a) Phối hợp với cán bộ phụ trách điều khiển tại điểm cầu chính điều chỉnh hình ảnh, âm thanh, ánh sáng trong phòng họp bảo đảm chất lượng phục vụ cuộc họp;

b) Tham gia vận hành hệ thống trong toàn bộ quá trình diễn ra cuộc họp theo đúng kịch bản và nội dung theo yêu cầu của điểm cầu chính;

c) Điều chỉnh thiết bị ghi hình (camera) phù hợp với vị trí đại biểu ở điểm cầu đang phát biểu;

d) Không kết nối trực tiếp tới bất kỳ điểm cầu nào trong hệ thống khi chưa có yêu cầu của cán bộ kỹ thuật tại điểm cầu chính;

đ) Khi mất kết nối, phải phối hợp với cán bộ kỹ thuật của điểm cầu chính, cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp viễn thông tại điểm cầu đó để kiểm tra nguyên nhân và có giải pháp xử lý, xác định thời gian khắc phục sự cố; báo cáo chủ trì cuộc họp tại điểm cầu mình phụ trách, đồng thời báo cáo bộ phận phụ trách điểm cầu chính để điều chỉnh nội dung, thời gian cho phù hợp với thực tế;

e) Tiếp nhận đăng ký phát biểu của chủ trì cuộc họp tại điểm cầu mình phụ trách và gửi cho cán bộ kỹ thuật tại điểm cầu chính bằng điện thoại, thư điện tử công vụ hoặc các phương thức liên lạc được cơ quan có thẩm quyền cho phép; không trao đổi thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước qua các ứng dụng liên lạc thông thường.

3. Kết thúc cuộc họp, cán bộ kỹ thuật ở điểm cầu chính và các điểm cầu cuối kiểm tra lại toàn bộ hệ thống, tắt thiết bị trước và sau đó ngắt nguồn điện cung cấp theo đúng quy trình.

Chương III
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỘI NGHỊ TRUYỀN HÌNH TRỰC TUYẾN

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị quản lý điểm cầu chính

1. Cơ quan, đơn vị quản lý phòng họp trực tuyến tại điểm cầu chính chủ trì quản lý, điều phối lịch sử dụng phòng họp; phối hợp với đơn vị vận hành Hệ thống bảo đảm điều kiện kỹ thuật, an toàn thông tin đối với các cuộc họp do cơ quan, đơn vị mình chủ trì hoặc đăng ký sử dụng phòng họp.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì quản lý, điều phối lịch sử dụng điểm cầu chính tại trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh; tiếp nhận thông tin, tổng hợp thành phần, bố trí lịch và thông báo đến các cơ quan, đơn vị đối với các cuộc họp do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì hoặc tham dự.

3. Các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bố trí cán bộ kỹ thuật trực tiếp vận hành thiết bị tại phòng họp trực tuyến của đơn vị; phối hợp kiểm tra đường truyền, chất lượng âm thanh, hình ảnh, hoàn tất trước giờ khai mạc cuộc họp.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với Hệ thống; là đầu mối quản trị chung Hệ thống; chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh hướng dẫn tiêu chuẩn kỹ thuật, phương án bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đối với Hệ thống; chủ trì lập hồ sơ đề xuất cấp độ của Hệ thống trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.

2. Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông trực thuộc Sở là đơn vị vận hành Hệ thống, trực tiếp quản lý Hệ thống trung tâm, thực hiện nhiệm vụ quản trị, vận hành, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật theo Quy chế này; chịu trách nhiệm thiết lập, điều khiển kết nối và giám sát kỹ thuật các cuộc họp trên Hệ thống, bao gồm các cuộc họp do Trung ương tổ chức kết nối đến điểm cầu

của tỉnh và cấp xã; thông báo cho doanh nghiệp viễn thông, Công ty Điện lực Thanh Hóa trước ít nhất 01 (một) ngày làm việc để bảo đảm đường truyền, nguồn điện phục vụ cuộc họp tại các điểm cầu theo kế hoạch, trừ trường hợp cuộc họp đột xuất, khẩn cấp.

3. Chủ trì tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng vận hành, xử lý sự cố kỹ thuật cho nhân sự kỹ thuật các điểm cầu định kỳ hằng năm hoặc khi có thay đổi về thiết bị, phần mềm, quy trình kết nối; định kỳ đánh giá hiện trạng, tham mưu nâng cấp, mở rộng Hệ thống.

4. Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ trong vận hành, kết nối Hệ thống với hệ thống hội nghị truyền hình của Trung ương; định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về chất lượng phục vụ các cuộc họp của Chính phủ với địa phương.

5. Công bố đầu mối hỗ trợ kỹ thuật (số điện thoại, thư điện tử công vụ) của đơn vị vận hành Hệ thống; tiếp nhận, phối hợp với doanh nghiệp viễn thông hướng dẫn, hỗ trợ xử lý sự cố kỹ thuật tại các điểm cầu, bao gồm hỗ trợ từ xa đối với các điểm cầu cấp xã.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng Hệ thống, nguồn vốn và khả năng cân đối ngân sách, tổng hợp, tham mưu báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí phục vụ hoạt động của Hệ thống, bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chuẩn, định mức theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì cuộc họp

1. Phát hành văn bản triệu tập, giấy mời và các tài liệu cuộc họp đến các thành phần tham dự bằng văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

2. Phối hợp với các đơn vị quản lý điểm cầu chính, Sở Khoa học và Công nghệ để kiểm tra, vận hành thử Hệ thống trước khi tổ chức cuộc họp và bảo đảm công tác tổ chức, vận hành hệ thống trong các cuộc họp chính thức.

3. Khi có sự thay đổi về thời gian tổ chức họp phải thông báo kịp thời đến đơn vị quản lý điểm cầu chính và các điểm cầu cuối để các đơn vị bố trí cán bộ phụ trách vận hành hệ thống phục vụ cuộc họp.

4. Bảo đảm kinh phí cho công tác phục vụ cuộc họp trực tuyến do đơn vị mình chủ trì tổ chức hoặc chủ trì tham mưu tổ chức.

Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị có lắp đặt điểm cầu cuối

1. Các đơn vị có lắp đặt điểm cầu cuối có trách nhiệm quản lý, bảo quản các thiết bị của Hệ thống và phải bảo đảm phòng họp, các thiết bị đáp ứng các quy định, yêu cầu theo tài liệu hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; ban hành

và niêm yết nội quy phòng họp trực tuyến, bảo đảm các điều kiện quy định trong Quy chế này; phối hợp kịp thời với điểm cầu chính trong quá trình chuẩn bị cũng như khi diễn ra cuộc họp chính thức.

2. Bố trí cán bộ, công chức hoặc người được phân công phụ trách kỹ thuật (có thể kiêm nhiệm) trực tiếp vận hành hệ thống thiết bị phục vụ cuộc họp (tối thiểu mỗi đơn vị có 01 người).

3. Cung cấp thông tin cán bộ kỹ thuật, cán bộ lãnh đạo phụ trách (họ tên, đơn vị, chức vụ, số điện thoại, thư điện tử) về Sở Khoa học và Công nghệ; tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo, tập huấn công tác quản lý, vận hành Hệ thống; khi thay đổi hoặc luân chuyển cán bộ làm nhiệm vụ khác phải kịp thời cử cán bộ thay thế và thông báo cho Sở Khoa học và Công nghệ biết để có kế hoạch tập huấn, thuận tiện cho việc liên lạc điều phối, hỗ trợ kỹ thuật từ điểm cầu chính.

4. Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông, chi nhánh điện tại địa bàn bảo đảm chất lượng đường truyền, nguồn điện phục vụ Hệ thống an toàn, thông suốt; có phương án về nguồn điện dự phòng cho phòng họp trực tuyến để bảo đảm phục vụ các cuộc họp không bị gián đoạn khi có sự cố trên lưới điện tại địa bàn.

5. Hằng năm lập dự toán kinh phí trong hoạt động của đơn vị để phục vụ cho việc duy trì, bảo trì và nâng cấp hệ thống kịp thời.

6. Định kỳ hằng năm (trước ngày 10/12), tổng hợp, đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hệ thống theo mẫu do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, gửi ý kiến, kiến nghị, đề xuất về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức sử dụng điểm cầu cấp xã

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh tăng cường sử dụng Hệ thống trong việc tổ chức các cuộc họp với Ủy ban nhân dân các xã, phường; sử dụng phòng họp trực tuyến tại cơ quan, đơn vị để tham dự các cuộc họp do cấp trên tổ chức và chủ trì tổ chức các cuộc họp kết nối đến các điểm cầu cấp xã theo Quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong việc đăng ký thời gian tổ chức cuộc họp.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Là đầu mối quản lý cơ sở vật chất, thiết bị và điều kiện kỹ thuật của điểm cầu cấp xã; trường hợp điểm cầu được lắp đặt tại trụ sở cơ quan, tổ chức khác ở cấp xã, cơ quan, tổ chức được giao quản lý điểm cầu thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 15 Quy chế này;

b) Bố trí cán bộ tiếp nhận, quản lý và sử dụng phần mềm, thiết bị kết nối tại phòng họp trực tuyến của điểm cầu cấp xã;

c) Phân công 01 cán bộ đầu mối chính và ít nhất 01 cán bộ dự phòng (có thể kiêm nhiệm), công khai thông tin liên hệ; bảo đảm sẵn sàng phối hợp với đơn vị vận hành Hệ thống của tỉnh theo lịch họp đã thông báo và khi có yêu cầu tổ chức cuộc họp đột xuất, khẩn cấp.

4. Các cơ quan, tổ chức khác ở cấp xã khi tham gia sử dụng phòng họp trực tuyến tại cấp xã đăng ký lịch với cơ quan được giao quản lý điểm cầu; chịu trách nhiệm về nội dung, thành phần tham dự đối với cuộc họp do cơ quan, tổ chức mình chủ trì hoặc tham dự.

Điều 17. Các đơn vị liên quan

1. Doanh nghiệp viễn thông:

a) Cung cấp đường truyền, bảo đảm các tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng đường truyền cho Hệ thống; bảo đảm đường truyền an toàn, hiệu quả, liên tục và có phương án dự phòng ứng phó xử lý ngay khi có sự cố về đường truyền;

b) Cử cán bộ kỹ thuật phối hợp với các điểm cầu, thường trực xử lý sự cố đường truyền trong thời gian chạy thử Hệ thống và toàn bộ thời gian diễn ra cuộc họp chính thức;

c) Thông báo đầu mối hỗ trợ kỹ thuật tại từng địa bàn cho Sở Khoa học và Công nghệ và các điểm cầu cấp xã; ưu tiên xử lý sự cố đường truyền đối với các cuộc họp đột xuất, khẩn cấp.

2. Công ty Điện lực Thanh Hóa:

a) Bảo đảm cung cấp nguồn điện ổn định tại các điểm cầu theo kế hoạch được thông báo;

b) Cung cấp thông tin của cán bộ kỹ thuật thường trực xử lý sự cố điện tại các điểm cầu trong thời gian vận hành thử Hệ thống và trong suốt thời gian diễn ra cuộc họp chính thức.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quy chế này, các cơ quan, đơn vị quản lý thiết bị của Hệ thống có trách nhiệm tổ chức quản lý, vận hành, sử dụng Hệ thống tại cơ quan, đơn vị mình bảo đảm an toàn và phát huy hiệu quả; phân công nhân sự, ban hành nội quy phòng họp và hướng dẫn vận hành thiết bị phù hợp với quy định tại Quy chế này.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quy chế này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan cấp trên có thẩm quyền.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc hoặc phát sinh, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.